

Bình Định, ngày 09 tháng 5 năm 2023

## THUYẾT TRÌNH

### Về Tờ trình và dự thảo Nghị Quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định Trình Kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh

Sở Khoa học và Công nghệ được UBND tỉnh giao chủ trì soạn thảo Nghị Quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định. Nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết đã được gửi đến các quý đơn vị, Sở Khoa học thuyết trình một số nội dung điều chỉnh như sau:

#### 1. Sự cần thiết để ban hành Nghị quyết

\* Quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định được thực hiện theo Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh. Căn cứ để ban hành Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ: Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tuy nhiên, ngày 10/01/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC thay thế một phần Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Theo đó, dự toán tiền thù lao nghiên cứu, hệ số lao động khoa học của chức danh có sự khác nhau giữa Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Thông tư số 03/2023/TT-BTC. Do đó, các nội dung của Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh không còn phù hợp so với quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

\* Ngoài ra, Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, UBND cấp

tình trình HĐND cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

Do đó, việc xây dựng Nghị Quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định để thay thế cho Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

**\* Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013.

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015.

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

- Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính ban hành Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**2. Mục đích của việc ban hành nghị quyết**

Quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**3. Nội dung cơ bản của Tờ trình và dự thảo Nghị quyết**

**3.1. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

\* So với Phụ lục 1 của Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND (sau đây gọi tắt là *PL1\_NQ88*) thì Phụ lục 1 của Dự thảo Nghị quyết (sau đây gọi tắt là *PL1\_DTNQ*) có một nội dung được bổ sung theo đúng các mục của Thông tư số 03/2023/TT-BTC, gộp một số mục có tính chất gần giống nhau và lược bỏ một số mục, cụ thể như sau:

- Bổ sung định mức chi cho “Thư ký khoa học” ở các mục I, II, IV - PL1\_NQ88 (*được trình bày tại các mục I, II, IV - PL1\_DTNQ*)

- Bổ sung định mức “Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện” ở mục I - PL1\_NQ88 (được trình bày tại các mục I - PL1\_DTNQ)

- Bổ sung định mức “Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng” ở mục II, IV - PL1\_NQ88 (được trình bày tại các mục II, IV - PL1\_DTNQ)

- Bổ sung định mức “Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ” (được trình bày tại các mục IX - PL1\_DTNQ)

- Gộp mục V, VIII - PL1\_NQ88 thành 1 mục là “Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập” (được trình bày tại các mục VI - PL1\_DTNQ)

- Gộp mục IX, XI - PL1\_NQ88 thành một mục (được trình bày tại các mục VIII - PL1\_DTNQ)

- Bỏ mục VI, VII - PL1\_NQ88: vì hiện nay phần lớn các văn bản, hồ sơ liên quan được thực hiện ở dạng file điện tử và được gửi nhận thông qua hệ thống văn phòng điện tử của tỉnh hoặc thông qua email công vụ,...

\* Về mức kinh phí: dự thảo Nghị quyết đề xuất mức kinh phí đảm bảo nguyên tắc tỷ lệ khi xây dựng Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND (khoảng 70% Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN) và đảm bảo tỷ lệ tăng tương đương mức tăng của Thông tư số 03/2023/TT-BTC so với Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN

(Có phụ lục chi tiết kèm theo - Phụ lục a)

### **3.2. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước**

- Thông tư số 03/2023/TT-BTC đã thay đổi cách gọi từ “công” thành từ “thù lao” và chuyển sang tính theo tháng quy đổi để tránh bị hiểu nhầm với công lao động vật lý và bị giới hạn 200 giờ/năm bởi Bộ luật lao động. (đây là cách tiếp cận đúng bản chất vấn đề hơn, thể hiện đây là khoản kinh phí để đãi ngộ nhà khoa học vì công sức nghiên cứu và chất xám của họ)

- Hệ số lao động khoa học của chức danh được xây dựng dựa trên quy định của Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Dự toán chi thù lao cho các nhóm chức danh khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Để đảm bảo tính thống nhất các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nên Dự thảo Nghị quyết đã lược bỏ **Phụ lục 2 của Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND (Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN)** và đưa nội dung này vào phụ lục 2 của dự thảo Nghị quyết **“Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước” (sau đây gọi tắt là PL2\_DTNQ)** bao gồm: Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học...; Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu,

vật liệu...; Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản...; Chi hội nghị, hội thảo khoa học...; Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu...; Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu...; Chi văn phòng phẩm...; Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Bổ sung thêm mục “Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ” đã trình bày ở trên. (được trình bày tại các mục I - PL2\_DTNQ)

+ Đối với Chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được xây dựng dựa trên mức thù lao cho chủ nhiệm nhiệm vụ là 30 triệu đồng/người/tháng, tương đương với mức 2 lương theo tháng của chuyên gia tư vấn trong nước tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Bên cạnh đó, đối chiếu với mức tăng của dự thảo Nghị quyết thay thế với Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND thì tỷ lệ tăng kinh phí là khoảng 60% (tương đương với tỷ lệ tăng của Thông tư số 03/2023/TT-BTC so với Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

+ Đối với các nhóm chức danh khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ với mức tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Đánh giá về mức tăng tiền công khi áp dụng Nghị quyết mới:

+ Trong gian đoạn 2018-2022, tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND là 70 nhiệm vụ (bình quân mỗi năm thực hiện 14 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh), với tổng kinh phí 54,400 tỷ đồng. Như vậy, bình quân hằng năm trong giai đoạn 2018-2022, kinh phí cấp cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là 10,880 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí công lao động khoa học của chức danh thực hiện nhiệm vụ 70 nhiệm vụ là 26,195 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 48% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh). Bình quân mỗi năm, kinh phí công lao động khoa học của các chức danh thực hiện nhiệm vụ mỗi năm khoảng 5,300 tỷ đồng.

+ Với mức đề xuất thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của dự thảo Nghị quyết với mức tăng sấp xỉ 60% so với Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND thì khi ban hành Nghị quyết mới, mức kinh phí ngân sách cấp sẽ tăng thêm 3,180 tỷ đồng. Như vậy tổng ngân sách chi cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hằng năm khi nghị quyết mới ban hành là: 14,060 tỷ đồng.

- Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu được thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành khác.

- Lược bỏ mục III - PL1\_NQ88 gộp vào mục II - PL1\_NQ88 (được trình bày tại các mục III - PL2\_DTNQ)

- Lược bỏ mục VI - PL1\_NQ88 vì Thông tư số 03/2023/TT-BTC không quy định.

- Điều chỉnh mục VII - PL1\_NQ88 mức chi là không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.

- Bổ sung thêm “Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)” (được trình bày tại các mục VIII - PL2\_DTNQ)

(Có phụ lục chi tiết kèm theo - Phụ lục b)

#### **4. Về phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Tờ trình và Nghị quyết**

\* Phạm vi điều chỉnh:

- Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 63/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo Quy định này.

\* Đối tượng điều chỉnh:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Những nội dung nêu trong Tờ trình và dự thảo Nghị quyết đã nêu rõ căn cứ pháp lý, sự cần thiết.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Phụ lục a**  
**ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Thông tư liên tịch số 55/2015/TT-LT-BTC-BKHCN	Thông tư số 03/2023/T-T-BTC	Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND		Dự thảo Nghị quyết		Thuyết trình chi tiết nội dung chi và mức chi của dự thảo Nghị quyết
					Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	
<b>I</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>								
<i>1</i>	<i>Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>	<i>Hội đồng</i>							
1.1	Chủ tịch hội đồng		1.000	1.500	700	400	1.150	750	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	1.000	550	320	750	500	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

1.3	Thư ký khoa học		-	300	-	-	250	150	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.4	Thư ký hành chính		300	300	200	150	250	150	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.5	Đại biểu được mời tham dự		200	200	150	100	150	100	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	<b>01 phiếu nhận xét đánh giá</b>							
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	500	200	150	400	250	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	700	350	200	550	350	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

<b>3</b>	<b>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</b>	<b>Nhiệm vụ</b>							Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
3.1	Chủ tịch hội đồng		-	700	-	-	550	350	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
3.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		-	500	-	-	400	250	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>II</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>								
<b>1</b>	<b>Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>	<b>Hội đồng</b>							
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.500	1.800	1.050	600	1.350	900	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC



1.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	1.500	700	400	1.150	750	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.3	Thư ký khoa học		-	300	-	-	250	150	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.4	Thư ký hành chính		300	300	200	150	250	150	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.5	Đại biểu được mời tham dự		200	200	150	100	150	100	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	<b>01 phiếu nhận xét đánh giá</b>							
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	700	350	200	550	350	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản		700	1.000	500	300	750	500	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và

	biện trong Hội đồng								50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
3	<i>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</i>	<i>Chuyên gia</i>	-	1.500	-	-	1.150	750	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>III</b>	<b>Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>								
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	1.000	500	300	750	500	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	700	350	200	550	350	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	300	200	150	250	150	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	200	150	100	150	100	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>IV</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>						-	-	
<b>1</b>	<b>Chi họp Hội đồng nghiệm thu</b>	<b>Nhiệm vụ</b>					-	-	
1.1	Chủ tịch hội đồng		1.500	1.800	1.050	600	1.350	900	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000	1.500	700	400	1.150	750	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.3	Thư ký khoa học		-	300	-	-	250	150	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.4	Thư ký hành chính		300	300	200	150	250	150	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so

									với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
1.5	Đại biểu được mời tham dự		200	200	150	100	150	100	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>2</b>	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	<b>01 phiếu nhận xét đánh giá</b>					-	-	
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	700	350	200	550	350	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	1.000	500	300	750	500	Giữ nguyên nội dung chi, đề xuất mức chi khoảng 75% (đối với cấp tỉnh) và 50% (đối với cấp cơ sở) so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>3</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</b>	<b>Chuyên gia</b>	-	1.500	-	-	1.150	750	Mức chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

<b>V</b>	<b>Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác theo quy định</b>	<b>Hội đồng</b>	Không quy định	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quy định	Không quy định	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Mục chi này được bổ sung thêm theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>VI</b>	<b>Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập</b>	Hội đồng							
<i>1</i>	<i>Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập</i>		Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	7.000	4.000	Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC

2	<i>Chi công tác phí của các chuyên gia tư vấn độc lập được mời tham gia (Phụ cấp lưu trú, chi thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại)</i>		Không quy định	Không quy định	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Thực tế triển khai trên địa bàn tỉnh trong những năm qua, khi cần thiết thuê chuyên gia thì hầu như là thuê chuyên gia ngoài tỉnh được mời về tỉnh tham dự, nên cần thanh toán chi phí công tác phí ngoài chi phí thuê chuyên gia
VII	<b>Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác)</b>		Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC
VIII	<b>Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b>	Hội đồng							

1	Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2	Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ		Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu			Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Dự thảo Nghị quyết thống nhất với mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC thay vì tính chi tiết như Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND
2.1	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>							
	Chủ tịch Hội đồng				520	300			
	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng				350	200			
	Thư ký hành chính				150	100			
	Đại biểu mời tham dự				100	100			
2.2	<i>Chi nhận xét, đánh giá (Phiếu NX, ĐG)</i>	<i>01 phiếu NX, ĐG</i>							
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng				250	150			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng				180	100			
2.3	<i>Dự toán chi tiền công Hội đồng kiểm tra đột xuất</i>	<i>Nhiệm vụ</i>							

	Chủ tịch Hội đồng				300	200			
	Thành viên hội đồng				250	150			
	Thư ký hành chính				150	100			
	Đại biểu mời tham dự				100	100			
3	Dự toán chi thuê phương tiện đi lại cho đoàn kiểm tra đánh		Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>IX</b>	<b>Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ</b>	Hội thảo							
1	Người chủ trì hội thảo	người/hội thảo	Không quy định	2.000	Không quy định	Không quy định	1.500	1.000	Dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm nội dung và mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/hội thảo	Không quy định	500	Không quy định	Không quy định	400	250	Dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm nội dung và mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo/hội thảo	Không quy định	3.000	Không quy định	Không quy định	2.300	1.500	Dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm nội dung và mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC



4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	báo cáo/hội thảo	Không quy định	1.500	Không quy định	Không quy định	1.150	750	Dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm nội dung và mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/hội thảo	Không quy định	300	Không quy định	Không quy định	230	150	Dự thảo Nghị quyết bổ sung thêm nội dung và mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC

**PHỤ LỤC 2**  
**ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Thông tư liên tịch số 55/2015/TT-LT-BTC-BKHCN	Thông tư số 03/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND		Dự thảo Nghị quyết		Thuyết trình chi tiết
					Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	
<b>I</b>	<b>Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&amp;CN</b>								
1	Chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN	nghìn đồng/tháng	25.890	40.000	18.030	10.490	30.000	20.000	<p>Mức tiền công chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ của Thông tư liên tịch số 55/2015/TT-LT-BTC-BKHCN được tính theo công thức <math>Tc = Lcs \times Hsten \times Snc</math>, trong đó: Lcs là mức lương cơ sở ở thời điểm hiện tại là 1,49 triệu đồng/tháng; Hsten được quy định hệ số cụ thể cho từng chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ: 0,79; Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học: 0,49; Thành viên: 0,25; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ: 0,16)</p> <p>Tương tự cách tính như trên thì mức công của Chủ nhiệm</p>

									nhiệm vụ trong Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND với hệ số được quy định tương ứng
2	Nhóm chức danh khác (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)	nghìn đồng/tháng		Không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ			Không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ	Không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ	Ở các chức danh khác đối với Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND cũng có cách tính tương tự
<b>II</b>	<b>Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu</b>								
1	Thuê chuyên gia trong nước		40 triệu đồng/người/tháng (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT - BLĐTBXH (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	28 triệu đồng/người/tháng (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	15 triệu đồng/người/táng (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT - BLĐTBXH (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT - BLĐTBXH (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	Giữ nguyên nội dung chi và thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

2	Thuê chuyên gia ngoài nước		Không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 25% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Giữ nguyên nội dung chi và thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>III</b>	<b>Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định</b>		Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước	Giữ nguyên nội dung chi và thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>IV</b>	<b>Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu</b>	Hội thảo							
1	Người chủ trì hội thảo		1.500	2.000	1.050	750	1.500	1.000	Giữ nguyên nội dung chi, tăng mức chi đảm bảo tỷ lệ khoảng 75% so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học		500	500	350	250	400	250	Giữ nguyên nội dung chi, tăng mức chi đảm bảo tỷ lệ khoảng 75% so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học		2.000	3.000	1.400	800	2.300	1.500	Giữ nguyên nội dung chi, tăng mức chi đảm bảo tỷ lệ khoảng 75% so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo		1.000	1.500	700	400	1.150	750	Giữ nguyên nội dung chi, tăng mức chi đảm bảo tỷ lệ khoảng 75% so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học		200	300	150	100	230	150	Giữ nguyên nội dung chi, tăng mức chi đảm bảo tỷ lệ khoảng 75% so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>V</b>	<b>Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu</b>		Thông tư số 58/2011/TT-BTC	Thông tư số 109/2016/T T-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC	Thông tư số 109/2016/T T-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC	Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC	Thông tư số 109/2016/T T-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC	Thông tư số 109/2016/T T-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC	Giữ nguyên nội dung chi và thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>VI</b>	<b>Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu			Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Dự thảo Nghị quyết thống nhất với mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC thay vì tính chi tiết như Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND
1	Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng							
1.1	Chủ tịch Hội đồng				500	300			
1.2	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng				350	200			
1.3	Thư ký hành chính				150	100			

1.4	Đại biểu mời tham dự				100	100			
2	Chi nhận xét, đánh giá	Hội đồng							
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng				250	150			
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng				180	100			
<b>VII</b>	<b>Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.	5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.	3,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (không quá 140 triệu đồng)	2% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (không quá 80 triệu đồng)	4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ)	2,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 100 triệu đồng/nhiệm vụ)	Giữ nguyên nội dung chi, tăng mức chi đảm bảo tỷ lệ khoảng 75% so với mức chi của Thông tư số 03/2023/TT-BTC
<b>VIII</b>	<b>Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)</b>		Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức	Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức	Không quy định	Không quy định	Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức	Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức	Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC

			chi tiêu ngân sách nhà nước	chi tiêu ngân sách nhà nước			chi tiêu ngân sách nhà nước	chi tiêu ngân sách nhà nước	
--	--	--	-----------------------------------	-----------------------------------	--	--	-----------------------------------	-----------------------------------	--